

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 25/9/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Đinh Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2017/QĐXXST-HNGD ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Thế H - Sinh năm: 1983;

HKTT: SN 0B2A, tổ ML, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Tố H - Sinh năm: 1985;

HKTT: SN 0B2A, tổ ML, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là anh Nông Thế H trình bày: Anh H và chị H kết hôn ngày 06/12/2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H phát hiện ra chị H nợ nần rất nhiều, ngoài ra tính tình hai vợ chồng không hợp nhau. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi chửi nhưng không xô sát. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay, thời

gian đầu ly thân nhưng vẫn sống chung nhà, sau đó, bố mẹ anh H yêu cầu anh H ra khỏi nhà nên tháng 11 năm 2016 anh H đã chuyển ra ngoài ở. Sau khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Khoảng tháng 10 năm 2016 anh H đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nhưng sau đó lại rút đơn để tự hòa giải với chị H nhưng không có kết quả. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nông Trà M, sinh ngày 26/4/2009, hiện nay cháu đang ở với chị H. Anh H đề nghị giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị Tố H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận chị và anh H có quan hệ hôn nhân như H trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị H nhất trí nguyên nhân do chị H nợ nần nhiều, ngoài ra, còn nguyên nhân là anh H có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ tên là Vũ Thị Hồng V, HKTT: Khu B, thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng và bản thân anh H là một người bảo thủ, tính tình nóng nảy. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi chửi và anh H đã đánh chị H 02 lần, trong đó có 01 lần làm chị H bị chảy máu. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Chị H xác nhận anh H đã nộp đơn xin ly hôn vào tháng 10/2016 nhưng lý do anh H rút đơn để hòa giải là không đúng vì giữa anh chị chưa hòa giải với nhau lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nhưng chị H không nhất trí ly hôn vì muốn con gái có sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Chị H xác nhận giữa anh chị có 01 con chung như anh H trình bày. Trường hợp ly hôn chị nhất trí chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Các bên đương sự đều khẳng định chị H có vay nợ nhưng không liên quan đến anh H, chị H tự chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp họ tên, địa chỉ của những người chị H nợ tiền nhưng các bên đương sự đều từ chối cung cấp.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt không có lý do, anh Nông Thế H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh H bảo lưu ý kiến trường hợp ly hôn giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: xác nhận không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp

luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Thế H về việc xin ly hôn với chị Ngô Thị Tố H. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị H được nuôi con chung là cháu Nông Trà M, sinh ngày 26/4/2009 cho đến khi trưởng thành. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Anh Nông Thế H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H kết hôn cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh H và chị H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ tòa án thu thập được cho thấy nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh H và chị H do tính tình không hợp và anh H phát hiện ra việc chị H nợ tiền rất nhiều người mà anh H không biết, đến khi có người đến tận nhà đòi nợ mới biết. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có quan hệ ngoài hôn nhân và đã cung cấp cho Tòa án nội dung tin nhắn điện thoại giữa chị H và người phụ nữ tên V. Ngày 16/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xác minh theo đơn yêu cầu của chị Ngô Thị Tố H, kết quả: Chị V cho biết giữa chị V và anh H không có quan hệ tình cảm nam nữ mà chỉ có quan hệ bạn bè và mối quan hệ này chỉ dừng lại ở mức quý mến nhau, quá trình quen biết chị V không biết anh H chưa ly hôn vợ, đến khi chị H đến nơi chị V làm việc mắng chửi chị V thì chị V mới biết anh H và chị H chưa ly hôn. Kể từ đó đến nay chị V và anh H đã không còn liên lạc với nhau nữa. Về nội dung tin nhắn chị H cung cấp cho tòa án, chị V xác nhận đúng là tin nhắn giữa chị H và chị V nhưng nội dung tin nhắn chỉ khẳng định giữa chị V và anh H không có quan hệ tình cảm cũng như chị V hoàn toàn không biết anh H chưa ly hôn. Như vậy nguyên nhân anh H ngoại tình như chị H trình bày là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa anh H và chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Trước tình trạng đó hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Từ khi sống ly thân anh chị không còn trách nhiệm và nghĩa vụ gì đối với nhau, không quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị diễn ra thường xuyên, liên tục và kéo dài. Tháng 10 năm 2016 anh H đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, sau đó lại rút đơn để tự hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 07/6/2017 chị H khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng nhưng chị không đồng ý ly hôn vì muốn con có cả bố và mẹ chăm sóc. Mặc dù chị H yêu cầu đoàn tụ nhưng sau buổi hòa giải lần thứ nhất Tòa án tiếp tục ra thông báo rất nhiều lần để các bên đến hòa giải nhưng chị H đều vắng mặt, điều này cho thấy chị H không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh H và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu cố kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Nông Trà M, sinh ngày 26/4/2009. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận trường hợp ly hôn giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét sự thỏa thuận của các bên hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu M và quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ riêng: Các bên đương sự đều khẳng định chị H có vay nợ nhưng là nợ riêng, không liên quan đến anh H, chị H tự chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp họ tên, địa chỉ của những người chị H nợ tiền nhưng các bên đương sự đều từ chối cung cấp cho Tòa án nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh H phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Anh H và chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nông Thế H. Xử cho anh Nông Thế H được ly hôn chị Ngô Thị Tố H.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao cháu Nông Trà M, sinh ngày 26/4/2009 cho chị Ngô Thị Tố H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh Nông Thế H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu My đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nông Thế H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí xin ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng số tiền án phí anh H phải chịu là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000066 ngày 07/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Anh H còn phải nộp số tiền án phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Anh Nông Thế H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngô Thị Tố H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Phương